

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2019/HSST
Ngày: 27/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hoa
2. Ông Luân Văn Lý

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 104/2019/HSST ngày 18 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Quốc T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Đ;

Sinh ngày: 13/6/1994 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 12/12; Cha: Lưu Văn V - đã chết; Mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1971, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Anh, chị, em ruột: Có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Hoàng Thị D, sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Con: 01 con, sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 19/5/2016, bị Tòa án Quân sự khu vực 13 Quân khu I xử phạt 36 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự theo Bản án Hình sự số 01/2016/HSST;

Bị cáo bị bắt ngày 08/5/2019; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Đức H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có;

Sinh ngày: 04/11/1995 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 09/12; Cha: Nông Bình Y, sinh năm 1952, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Mẹ: Hoàng Thị H - đã chết; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân:

- Ngày 29/10/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 05 năm tù về Tội cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 3 Điều 104 Bộ luật Hình sự theo Bản án Hình sự số 58/2013/HSST;

- Ngày 27/12/2017, bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Bị cáo bị bắt ngày 08/5/2019 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà giam giữ công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

3. Họ và tên: **Bế Hoàng Đ**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: B;

Sinh ngày: 08/11/1998 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 05/12; Cha: Bế Nông K - đã chết; Mẹ: Hoàng Thị M, sinh năm 1976, hiện đang nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 11/5/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt

4. Họ và tên: **La Thiên P**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: L;

Sinh ngày: 06/01/1996 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Cha: La Đức T, sinh năm 1964, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Mẹ: Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1976, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú huyện S, thành phố Hà Nội; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân:

- Ngày 21/9/2012, bị Tòa án nhân thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng về Tội trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự theo Bản án hình sự số 86/2012/HSST;

- Ngày 13/02/2015, bị Công an thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng);

Bị cáo bị bắt ngày 11/5/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

5. Họ và tên: **Hoàng Quốc H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: K; Sinh ngày: 21/10/1995 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 12/12; Cha: Hoàng Văn D, sinh năm 1958; Mẹ: Bế Thị M, sinh năm 1964; Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có 03 anh, chị, em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 18/9/2013 bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng);

Bị cáo bị bắt ngày 11/5/2019 đến ngày 06/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang biện pháp bảo lãnh. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Họ và tên: **Triệu Quang H**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: B; Sinh ngày: 05/12/1993 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ H, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Cha: Triệu Văn B, sinh năm 1968; Mẹ: Nông Thị H, sinh năm 1968; Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có 02 anh, em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Triệu Thị H, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 26/10/2009 bị Công an thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt cảnh cáo;

Hiện tại bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh và cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 14/5/2019 đến nay.

Có mặt.

7. Họ và tên: **Ngô Trung A**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: O;

Sinh ngày: 17/10/1995 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 11/12; Cha: Ngô Minh Đ, sinh năm 1963; Mẹ: Đỗ Thị N, sinh năm 1965; Điều cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: Đàm Thu H, sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có 01 con, sinh năm 2017;

Tiền sự:

- Ngày 08/02/2017 bị Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe của người khác bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

- Ngày 12/7/2018 bị Công an thành phố xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trồng cây cần sa bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

- Ngày 31/01/2019 bị Công an thành phố xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Xâm hại sức khỏe người khác bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng);

Tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 11/5/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt

8. Họ và tên: **Bùi Hải L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có;

Sinh ngày: 20/9/2000 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng;

Hộ khẩu thường trú: Số B, ngõ 53N, H, P, H, Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Cha: Bùi Văn T, sinh năm 1971, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Số B, ngõ 53N, H, P, H, Hà Nội; Mẹ: Hà Tú Q (Hà Thị Q), sinh năm 1968, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 05/01/2017 bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng);

Hiện tại bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh và cấm đi khỏi nơi cư trú, kể từ ngày 27/8/2019 đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bàn Văn H – sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: N, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

2. Nguyễn Quốc A – sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ T, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lôi Thu N

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

2. Triệu Hồng Q

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

3. La Văn Q

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm S, H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

4. Bế Kim D

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

5. Lý Mạnh H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

6. Lô Thị T

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

7. Lô Thị L

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

8. Hứa Thị T

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã C, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

9. Hà Tú Q

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt

10. Nguyễn Thị L

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

11. Hoàng Thị D

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Có mặt

Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (trừ Hà Tú Q, Nguyễn Thị L, Hoàng Thị D có mặt) đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Đinh Đức T

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. Đàm Văn G

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng

3. Hoàng Thị Kiều T

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

4. Vi Thị H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: H, xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng

5. Nguyễn Thị C

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ M, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

6. Trạc Thanh C

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ B, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

7. Lục Đức B

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ N, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

8. Trần Mạnh H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

9. Tăng Minh T

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Tất cả những người làm chứng (trừ Lục Đức B có mặt) đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng nhận được Công văn số 532 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng về việc tối ngày 01 tháng 5 năm 2019 có một nhóm người đến gây rối làm mất an ninh trật tự tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tiến hành xác minh và ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lưu Quốc T (Sinh năm 1994, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Nông Đức H (Sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Ngô Trung A (Sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); La Thiên P (Sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Hoàng Quốc H (Sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Bé Hoàng Đ (Sinh năm 1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) cùng về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ đối với:

- Lưu Quốc T: tiền Việt Nam 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động Iphone 7 Plus màu đen có số Imei 359177072272605. Tạm giữ của Nông Đức H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số Imei 356676/05/842861/3.

- La Thiên P: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S màu xám có ốp lưng viền đen, số Imei 352004065610848.

- Bé Hoàng Đ: 01 (một) con dao bằng kim loại bị rỉ sét có kích thước dài 49cm, rộng 5cm, lưỡi dao dài 40cm, phần tay cầm dài 9cm.

- Hoàng Quốc H: 01 (một) quần ngắn bò màu xanh có nhãn hiệu DSQBREAD; 01 (một) áo phông ngắn tay màu sáng có in nhiều họa tiết, nhãn hiệu Xing Qiang Sheng; 01 (một) dép lê có quai bằng da màu xám, đế bằng nhựa màu đen có chữ Made in Thailand; 01 (một) điện thoại di động Nokia 2730 màu đen bạc, số Imei 359370035516586; tiền Việt Nam 2.160.000đ (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Bùi Hải L: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu xám đen, số Imei 353309073999987.

- Ngô Trung A: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J7, màu trắng có số Imei 1: 352205080467797/01, Imei 2: 352206080467795/01; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM-1110, màu trắng có số Imei 1: 358583065290663; Imei 2: 358583065290671.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Lưu Quốc T tại tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, thu giữ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành khám xét chỗ ở của Nông Thị T (Sinh năm 1989, tại Tổ T, phường S,

thành phố C, tỉnh Cao Bằng, gần chỗ ở của Lưu Quốc T, được Hoàng Thị D là vợ Lưu Quốc T gửi nhờ số tài liệu liên quan đến việc cho vay lãi nặng của Lưu Quốc T. Phát hiện và thu giữ: 01 (một) hộp giấy màu trắng đen có dòng chữ “GUCCI” kích thước 33cm x 20cm x 11cm bên trong có 01 (một) quyển sổ có bìa màu xanh, ngoài bìa có dòng chữ “SỔ BÁT 3/10/18”, kích thước 30cm x 21cm, bên trong gồm 20 (hai mươi) tờ giấy 30cm x 21cm, trong đó có 36 mặt giấy có các chữ, số viết bằng bút mực, được đánh số từ (1) đến (36) và ký xác nhận vào từng mặt có chữ; 01 (một) quyển sổ có bìa màu đen, ngoài bìa có dòng chữ “Century” bên trong sổ có 15 mặt giấy có ghi các chữ, số bằng bút mực được đánh bút lục từ (1) đến (15) đã được T ký, xác nhận vào từng mặt có chữ, số.

Ngày 11 tháng 5 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Ngô Trung A tại Tổ N, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, phát hiện và thu giữ các đồ vật, tài liệu sau: 01 (một) khẩu súng ngắn màu đen, tay cầm có ốp nhựa màu nâu, nhãn hiệu MI9IIAI U.S.ARMY, số NO 871072; 01 (một) hộp tiếp đạn kim loại, 07 (bảy) viên đạn thể thao.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, Triệu Quang H đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng để đầu thú về hành vi cùng đồng phạm gây rối trật tự công cộng xảy ra tối ngày 01 tháng 5 năm 2019 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng và giao nộp 01 (một) con dao tra cán dài 1,55m, dao dài 35cm, rộng 7cm, đầu vuông làm bằng kim loại sơn màu đen được nối với 01 (một) ống kim loại sơn màu đen dài 1,2m có đường kính 02cm; 01 (một) áo nỉ rằn ri màu đen, xám có chữ GIVC NEHY Paris bên trong màu vàng có mũ vải gắn liền.

Trong quá trình giải quyết vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tạm giữ:

- 01 (một) kiếm hình dạng kiếm Nhật dài 01m có vỏ màu đen bằng gỗ, phần lưỡi kiếm dài 70cm, đầu nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi kiếm dài 30cm bọc dây vải màu đen;

- 01 (một) kiếm hình dạng kiếm Nhật dài 50cm có vỏ màu đen bằng gỗ, lưỡi kiếm dài 35cm đầu nhọn, lưỡi rộng 03cm bằng kim loại màu trắng, chuôi kiếm dài 15cm bọc dây vải màu đen;

- 01 (một) kiếm hình dạng kiếm Nhật dài 65cm có vỏ sơn màu đen được trang trí họa tiết hình rồng lưỡi dài 35cm rộng 2cm đầu nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi kiếm dài 30cm bằng nhựa họa tiết rồng;

- 01 (một) kiếm dài 63cm có vỏ gỗ sơn màu vàng, phần lưỡi dài 35cm, rộng nhất 04cm đầu nhọn bằng kim loại màu trắng chuôi kiếm bằng gỗ sơn màu vàng dài 20cm;

- 02 (hai) giá để kiếm sơn màu vàng.

Do Lương Hải L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng giao nộp:

Tạm giữ đối với Hoàng Thị D là vợ của Lưu Quốc T:

- Tiền Việt Nam 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);
- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S Plus màu hồng có số Imei 35333507947564.

Tạm giữ của Phạm Thị H là vợ của Nông Đức H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng giao nộp giao nộp 01 (một) thanh kiếm có kích thước 72cm x 2.5cm cán dài 55cm, màu trắng đã bị rỉ sét.

Tạm giữ của Lý Việt H (Sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển kiểm soát 11B1-325.0B.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 5 năm 2019, Lưu Quốc T cùng Nông Đức H, Lục Đức B (Sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ N, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Bùi Hải L (Sinh năm 2000, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ M, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); La Thiên P; Hoàng Quốc H; Bé Hoàng Đ và Đinh Đức T (Sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ T, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) cùng nhau tụ tập uống bia tại quán Fell Music chủ là Lý Việt H (Sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); thuộc Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Tại đây T gặp Đàm Văn G (Sinh năm 1990, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xóm C, xã Q, huyện T, tỉnh Cao Bằng) và nhóm bạn G gồm Nguyễn Quốc A (Sinh năm 1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ T, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Bằng Văn H (Sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xóm N, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng); Trần Mạnh H (Sinh năm 1987, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ T, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Bùi Tường H (Sinh năm 1985, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ H, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên); Dương Văn T (Sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xóm B, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng); Trần Trung T (Sinh năm 1992, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên); Đàm Ngọc L (Sinh năm 1996, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Phố H, xã C, huyện P, tỉnh Cao Bằng) và Trần Chí T (không rõ địa chỉ).

Khi gặp G, T cùng với Nông Đức H đi sang bên bàn của G để giao lưu, uống bia. Trong quá trình giao lưu, uống bia giữa T và H đã xảy ra xích mích, mâu thuẫn với nhau nên T đã dùng tay phải đâm một phát vào ngực của H. Lúc đó G vào ôm T để can ngăn thì bị T cầm một chai bia bằng thủy tinh trong suốt, loại dung tích 330ml, nhãn hiệu Tiger màu vàng đang được để ở trên bàn đập 02 (hai) phát vào đầu của T gây thương tích, hai bên lao vào vật lộn nhau.

Thấy T bị đánh nên nhóm của T gồm Đ, P, Hoàng Quốc H, B, T, L đã cầm chai bia bằng thủy tinh ném về phía nhóm của G, nhưng không trúng ai. Cùng lúc đó, Triệu Quang H (Sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ H, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Tăng Minh T (Sinh năm 1993, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) là bạn của Lưu Quốc T đi đến quán, thấy đánh nhau Triệu Quang H đi vào xem, Tăng Minh T đứng ở ngoài.

Trong quá trình xô xát, đánh nhau H cầm một chai bia bằng thủy tinh đập một phát vào đầu của Nguyễn Quốc A gây thương tích. Sau đó nhóm của G bỏ chạy đi ra khỏi cửa quán. H đi từ trong nhà vệ sinh ra thấy có đánh nhau nên đã cầm 02 (hai) chai bia bằng thủy tinh có sẵn trên bàn, đập vào góc bàn vỡ một chai rồi giơ lên đe dọa nhóm của Lưu Quốc T thì P cầm bàn lao đến đẩy H, H tránh được rồi vứt chai bia bỏ chạy ra phía cửa quán; khi gần đến cửa quán thì H bị vấp ngã nên P đã lao đến dùng tay nắm một phát vào vai của H, dùng chân đạp một phát nhưng không trúng H. Sau đó H lao đến dùng tay trái nắm tóc H, tay phải nắm liên tiếp hai phát vào vùng mặt, dùng chân phải đạp một phát vào vùng gáy của H gây thương tích. H vùng dậy bỏ chạy ra khỏi quán lên xe mô tô của T rồi cùng các bạn của mình bỏ chạy xuống Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng để chữa trị những người bị thương, còn G ở lại quán Fell Music để can ngăn nhóm của Lưu Quốc T.

Lúc này, nhóm của T đang tụ tập đứng trước cửa quán Feel Music, T có nói Bùi Hải L đi về chỗ ở của T tại tổ T, phường S, thành phố C lấy vũ khí để tiếp tục đi tìm đánh nhau với nhóm của G. Đồng thời T gọi điện thoại cho bạn là Ngô Trung A đến quán Feel Music để giúp sức. Sau đó, L chở theo P đi đến chỗ ở của Lưu Quốc T lấy được 04 (bốn) thanh kiếm đem đến chia cho Lưu Quốc T, La Thiên P, Hoàng Quốc H, Ngô Trung A mỗi người một kiếm. Trong lúc đó H tự đi về nhà lấy được 01 (một) kiếm, Đ tự đi về nhà lấy được 01 (một) dao, Triệu Quang H tự đi đến nhà của Đ lấy được 01 (một) dao tra cán. Tất cả cùng nhau đi đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng để tìm nhóm của G.

Đến nơi, Lục Đức B và Tăng Minh T đứng ở ngoài sân của Bệnh viện, Lưu Quốc T cầm kiếm chạy vào khu vực phòng cấp cứu của Bệnh viện và nhìn thấy có một người đang bị thương ngồi ở đó nên T đã gọi đồng bọn đến, đồng thời giơ kiếm đe dọa người đó. Cùng lúc đó H, Trung A, Đ, P, Triệu Quang H cầm dao, kiếm lao đến và dọa chém, nhưng nhằm người nên nhóm của T dừng lại. Sau đó Hoàng Quốc H cầm kiếm đi cùng với L vào theo Lưu Quốc T để tìm đánh nhóm của G. Các bác sĩ, điều dưỡng hoảng sợ nên đóng hết cửa các phòng khám, bệnh nhân bỏ chạy. Cùng lúc đó, bảo vệ của bệnh viện đã đến can ngăn không cho Lưu Quốc T và đồng bọn tiếp tục gây rối nên một lúc sau Lưu Quốc T cùng đồng bọn đi về nhà.

Nguyễn Quốc A, Bàn Văn H, Trần Trung T đã có đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng để yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trưng cầu giám định pháp y về thương tích đối với các bị hại là Nguyễn Quốc A, Bàn Văn H, Trần Trung T và Lưu Quốc T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 066/19/TgT ngày 17/6/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng đối với Lưu Quốc T (thương tích do Trần Trung T gây ra) kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định: 02 vết sẹo phần mềm vùng đầu, kích thước nhỏ: 3%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 3% (Ba phần trăm)”.
T

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 045/19/TgT ngày 29/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng đối với Trần Trung T kết luận: “1. Dấu hiệu chính qua giám định: Các vết sưng nề, sây sát da vùng đầu, tay phải, chân trái trong bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể không có quy định đánh giá tỷ lệ tổn thương: 0%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 0% (Không phần trăm)”.
T

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 044/19/TgT ngày 29/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng đối với Nguyễn Quốc A (thương tích do Nông Đức H gây ra) kết luận: “1. Dấu hiệu chính qua giám định: 02 vết thương phần mềm vùng đầu và 02 ngón tay trái, kích thước trung bình: 06%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06% (Sáu phần trăm)”.
T

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 046/19/TgT ngày 29/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng đối với Bàng Văn H (thương tích do Nông Đức H gây ra) kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 vết thương phần mềm vùng đầu, kích thước trung bình: 04%.
- 02 vết thương phần mềm vùng gò má trái, vùng cằm ảnh hưởng thẩm mỹ: 15 %.
- Gãy ngang thân răng số 1, số 2 hàm dưới bên trái: 1.5%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 20% (Hai mươi phần trăm)”.
Đ

Đồng thời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng tiến hành trưng cầu giám định đối với 01 (một) khẩu súng ngắn và 07 (bảy) viên đạn được phát hiện và thu giữ tại chỗ ở của Ngô Trung A. Tại bản kết luận giám định số 72-GĐKTHS ngày 24/5/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “Khẩu súng gửi giám định là súng có tính năng tác dụng như vũ khí quân dụng. Súng trong tình trạng sử dụng bình thường” và bản kết luận giám định số 73-GĐKTHS ngày 30/5/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “Đạn gửi giám định là đạn dùng cho súng thể thao. Không phải đạn quân dụng. Đạn trong tình trạng sử dụng bình thường”.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, bị hại Lưu Quốc T trong vụ án Cố ý gây thương tích do Trần Trung T gây ra tự nguyện rút yêu cầu khởi tố bị can đối với Trần Trung T. Đây là vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại nên cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã đình chỉ vụ án đối với bị can Trần Trung T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1

Điều 134 Bộ luật Hình sự theo Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số 01 ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng xác định được trong khoảng thời gian từ tháng 09 năm 2018 đến ngày 07 tháng 5 năm 2019, Lưu Quốc T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 59 (năm mươi chín) cá nhân trên địa bàn thành phố Cao Bằng với tổng số 171 (một trăm bảy mươi một) lượt vay, tổng số tiền cho vay là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) thu lợi bất chính lớn. Hình thức cho vay dưới dạng “vay bát”, quy định mỗi bát vay trong thời hạn 40 ngày với 03 (ba) mức lãi suất cho các khoản vay lần lượt như sau:

- Mức lãi suất 0.625%/ngày (tương đương 228.125%/năm): Có 55 (năm mươi lăm) người vay với tổng số 156 lượt vay, tổng số tiền **1.910.000.000đ** (một tỷ chín trăm mười triệu) với các bát vay lần lượt là 10.000.000đ (mười triệu đồng), 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Lãi suất tương ứng lần lượt là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), 5.000.000đ (năm triệu đồng), 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Theo đó, khi khách đến gặp T để vay tiền thì T sẽ thu luôn tiền lãi của bát vay và người vay tiền chỉ được nhận số tiền còn lại sau khi đã trừ đi lãi suất. Ví dụ: Nếu có khách đến vay T một bát 10.000.000đ (mười triệu đồng) thì T thu luôn tiền lãi 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cùng tiền nợ gốc của 02 ngày vay đầu tiên là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) thực tế khách chỉ được nhận số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Như vậy, số tiền lãi T đã thu từ khách vay tiền với mức lãi suất 0.625%/ngày (tương đương 228.125%/năm) là: $1.910.000.000 \times 0,625 \times 40 \text{ ngày} = \mathbf{477.500.000\text{đ}}$ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ ngày) là $1.910.000.000\text{đ} \times 0.054794\% \times 40 \text{ ngày} = \mathbf{41.862.616\text{đ}}$ (bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Như vậy, Lưu Quốc T đã thu lợi bất chính số tiền là: $477.500.000\text{đ} - 41.862.616\text{đ} = \mathbf{435.637.384}$ (bốn trăm ba mươi năm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi tư đồng).

- Mức lãi suất 0.5%/ngày (tương đương 182.5%/năm): Tuấn đã cho 07 (bảy) người với tổng số 11 lượt vay, tổng số tiền 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng) cho bát vay 5.000.000đ (năm triệu đồng). Lãi suất cho vay là 1.000.000đ (một triệu đồng). T đã thu được tổng số tiền lãi là: $55.000.000\text{đ} \times 0,5 \times 40 \text{ ngày} = \mathbf{11.000.000\text{đ}}$ (mười một triệu đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ ngày) là $55.000.000\text{đ} \times 0.054794\% \times 40 \text{ ngày} = 1.205.468\text{đ}$ (một triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng). Như vậy Lưu Quốc T đã thu lợi bất chính số tiền là: $11.000.000\text{đ} - 1.205.468\text{đ} = \mathbf{9.794.532\text{đ}}$ (chín triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm ba mươi hai đồng).

- Mức lãi suất 0.25%/ngày (tương đương 91.25%/năm): T đã cho 03 (ba) người với tổng số 04 (bốn) lượt vay, tổng số tiền 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) cho các bất vay lần lượt là 5.000.000đ (năm triệu đồng) Lãi suất là 500.000đ và 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất là 1.000.000đ (một triệu đồng). T đã thu được tổng số tiền lãi là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/ năm tương đương 0.054794%/ ngày) là $35.000.000đ \times 0.054794\% \times 40 \text{ ngày} = 767.116đ$ (bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười sáu đồng). Lưu Quốc T đã thu lợi bất chính số tiền là: $3.500.000đ - 767.116đ = 2.732.884đ$ (hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng). Mức lãi suất cho vay này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Trong khoảng thời gian từ tháng 09 năm 2018 đến ngày 07 tháng 5 năm 2019, Lưu Quốc T đã thông qua 167 giao dịch dân sự cho vay bất hợp pháp tổng số tiền **1.965.000.000đ** (một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng), với mức lãi suất thấp nhất là 182.5%/năm, lãi suất cao nhất là 228.125%/năm, thu tổng số tiền lãi **488.500.000đ** (bốn trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là **445.431.916đ** (bốn trăm bốn mươi năm triệu bốn trăm ba mươi một nghìn chín trăm mười sáu đồng).

Nguồn gốc số tiền để cho vay được T vay của Nguyễn Long H (Sinh năm 1983, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ N, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Sau đó, số tiền lãi thu được từ việc cho vay, T đã tiếp tục dùng để cho vay và tiêu dùng cá nhân hết. Trong thời gian thực hiện việc cho vay lãi nặng T đã nhờ Bùi Hải L, Đinh Đức T và Lê Trung T (Sinh năm 1991, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ T, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đi thu tiền hộ cho T, nhưng không trả tiền thù lao.

- Đối với những tài sản tạm giữ:

Số tiền 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) tạm giữ của Lưu Quốc T là của Hoàng Thị D (vợ T) đưa cho T để tiêu dùng cá nhân; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng số Imei 353335079475649 tạm giữ của Hoàng Thị D là điện thoại của D sử dụng để liên lạc hàng ngày.

Số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tạm giữ của Hoàng Thị D có nguồn gốc là tiền của bà Nguyễn Thị L (Sinh năm 1971, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) mẹ đẻ của Lưu Quốc T cho T vay để T đưa cho D kinh doanh, buôn bán.

Những tài sản kể trên không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho chủ sở hữu.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 2730 màu đen bạc, số Imei 359370035516586 và tiền 2.160.000đ (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm giữ của Hoàng Quốc H là tài sản thuộc sở hữu của H và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho Hoàng Quốc H.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đen số Imei 353309073999987 tạm giữ của Bùi Hải L là tài sản thuộc sở hữu của Long và không liên đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho Bùi Hải L.

01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Wave, biển kiểm soát 11X1-325.0B là thuộc sở hữu của bà Hà Tú Q là mẹ của Bùi Hải L. Việc Bùi Hải L sử dụng chiếc xe để tham gia cùng nhóm gây rối trật tự công cộng bà Q không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho bà Hà Tú Q.

Đối với 01 (một) khẩu súng ngắn màu đen, tay cầm có ốp nhựa màu nâu, nhãn hiệu MI9IIAI U.S.ARMY, số NO 871072; 01 (một) hộp tiếp đạn kim loại, 07 (bảy) viên đạn thể thao: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã chuyển đến Đội Cảnh sát quản lý hành chính Công an thành phố Cao Bằng để quản lý theo quy định của pháp luật đồng thời xử phạt vi phạm hành chính Ngô Trung A về hành vi không giao nộp vũ khí theo điểm g khoản 3 Điều 10 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKSTP ngày 15/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Lưu Quốc T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Nông Đức H về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Truy tố các bị cáo Bế Hoàng Đ, La Thiên P, Hoàng Quốc H, Triệu Quang H, Ngô Trung A, Bùi Hải L về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo nhất trí với các bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, nhất trí với các bản kết luận giám định pháp y về thương tích đối với Nguyễn Quốc A, Trần Trung T, Lưu Quốc T và Bàn Văn H. Các bị cáo không có khiếu nại đối với các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bị hại Bàn Văn H yêu cầu bị cáo Nông Đức H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm theo quy định của pháp luật, gồm các khoản:

- Làm 03 răng: 12.000.000đ;
- Tiền viện phí: 1.150.000đ;
- Chụp cắt lớp: 571.000đ;

- Tiền bùồng bệnh tự nguyện: 712.000đ;
- Điều trị sẹo: 15.000.000đ;
- Chi phí đi lại: 4.000.000đ;
- Tổn thất tinh thần: 05 tháng lương cơ sở x 1.490 000đ = 7.450.000đ;
- Công người phục vụ: 01 người x 8 ngày x 200.000đ = 1.600.000đ

Tổng cộng: **42.483.000đ**

Tuy nhiên, Bàng Văn H thừa nhận có tham gia vụ xô xát, được cầm chai bìa bằng thủy tinh, đập vỡ giờ lên dọa nhóm T, H thì bản thân cũng có một phần lỗi đối với hậu quả xảy ra. Về số tiền yêu cầu bồi thường, nhất trí để Tòa án xem xét chấp nhận các khoản theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Quốc A có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu Nông Đức H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lôi Thu N, Triệu Hồng Q, La Văn Q, Bế Kim D, Lý Mạnh H, Lô Thị T, Lô Thị L, Hứa Thị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác nhận vay tiền Lưu Quốc T, xác nhận lãi suất giữa các bên thỏa thuận là lãi suất cao nhưng không có yêu cầu về khoản tiền lãi bất hợp pháp đối với Lưu Quốc T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Tú Q xác nhận là chủ sở hữu của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 11B1-325.0B; công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại chiếc xe, không có ý kiến gì đối với việc tạm giữ và trả lại tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như bản cáo trạng, có đính chính về tổng số tiền bị cáo phạm tội là **1.965.000.000đ** và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lưu Quốc T; tuyên bố bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị xử phạt bị cáo Lưu Quốc T với mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lưu Quốc T.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; khoản 1 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Đức H; tuyên bố bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Đức H với mức án từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; mức phạt từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo La Thiên P. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 6 tháng đến 03 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Trung A. Xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đối với các bị cáo Bé Hoàng Đ, Hoàng Quốc H, Bùi Hải L. Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Triệu Quang H (người phạm tội đầu thú). Đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Quang H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Khoản 1 Điều 357, 584, 586, 590 BLDS buộc Nông Đức H phải bồi thường cho Bằng Văn H thiệt hại sức khỏe theo quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ:

Áp dụng khoản 1,2 Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy 05 thanh kiếm bị thu giữ trong vụ án, 01 con dao tra cán dài, 01 con dao bằng kim loại rỉ sét, 02 giá để kiếm sơn màu đen, 01 áo ni rằn ri màu đen , xám, 01 quần bò màu xanh, 01 áo phông ngắn tay, 01 đôi dép lê.

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số Seri 358305036736487 của bị cáo Lưu Quốc T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM-1110 màu trắng có số Imei1: 358583065290663, Imei 2: 358583065290671 của bị cáo Ngô Trung A.

Truy thu số tiền 562.075.583đ trong đó có 288.021.054 đồng là tiền thu lợi bất chính; 230.000.000đ sử dụng làm phương tiện phạm tội; 44.054.529đ do phạm tội mà có.

Buộc bị cáo Lưu Quốc T phải có trách nhiệm trả lại cho 08 người vay với tổng số tiền đã chiếm đoạt bất hợp pháp là 157.410.682đ. Cụ thể:

1. Lôi Thu N: 2.280.824đ
2. Triệu Hồng Q: 11.404.120đ
3. La Văn Q: 4.561.648đ
4. Bé Kim D: 11.404.120đ
5. Lý Mạnh H: 63.897.072đ
6. Lô Thị T: 9.123.296.đ

7. Lô Thị L: 52.458.9.58đ

8. Hứa Thị T: 2.280.958đ

Trả lại cho Lưu Quốc T 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus. Nông Đức H 01 điện thoại Nokia, La Thiên P 01 điện thoại Iphone 5s; Ngô Trung A 01 điện thoại Samsung galaxy có các đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã thể hiện.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận các yêu cầu bồi thường của bị hại Bàn Văn H theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội “ Gây rối trật tự công cộng” của các bị cáo và hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” của bị cáo Nông Đức H:

[2.1] Qua tranh tụng tại phiên tòa các bị cáo bị truy tố về tội “Gây rối trật tự công cộng” đều thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 01 tháng 5 năm 2019, tại quán Fell Music thuộc Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, Lưu Quốc T và Trần Mạnh H xảy ra mâu thuẫn trong khi uống bia nên T đã có hành vi dùng tay phải đâm một phát vào ngực của H. Việc Lưu Quốc T đánh Trần Mạnh H không gây thương tích cho H nhưng là nguyên nhân dẫn đến các hành vi phạm tội cố ý gây thương tích và gây rối trật tự công cộng trong vụ án.

Ngay lúc đó, Nông Đức H, Lục Đức B, Bùi Hải L, La Thiên P, Hoàng Quốc H, Bế Hoàng Đ, Đinh Đức T đã xảy ra xô xát với nhóm của Đàm Văn G, Nguyễn Quốc A, Bàn Văn H, Trần Mạnh H, Bùi Tường H, Dương Văn T, Trần Trung T, Đàm Ngọc L. Hai bên dùng vỏ chia bia bằng thủy tinh ném lẫn nhau, Lưu Quốc T bị Trần Trung T dùng vỏ chai bia bằng thủy tinh ném trúng đầu gây thương tích 3%, Nông Đức H đâm, đá và đập Bàn Văn H gây thương tích 20%;

dùng vỏ chai bia bằng thủy tinh đập vào đầu Nguyễn Quốc A gây thương tích 6%;

Sau khi xô xát trong quán khoảng 30 phút, Lưu Quốc T, Nông Đức H, La Thiên P, Hoàng Quốc H, Triệu Quang H, Bé Hoàng Đ, Ngô Trung A đã mang theo vũ khí là dao và kiếm, còn Tăng Minh T, Lục Đức B, Bùi Hải L tay không, cùng nhau đi đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng tại Tổ S, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng tìm đánh nhóm của Đàm Văn G. Tại đây T, H, P, Quốc H, Quang H, Đ, Trung A, L có hành vi hô hét làm mất trật tự tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng, riêng T, H, Trung A, P cầm hung khí là dao, kiếm đe dọa bệnh nhân, làm cho bệnh nhân, nhân viên y tế hoảng sợ và bỏ chạy gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của bệnh viện. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cao Bằng truy tố tất cả các bị cáo về hành vi Gây rối trật tự công cộng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ bệnh viện là nơi khám, chữa bệnh cho cộng đồng cần được giữ gìn trật tự nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà các bị cáo sử dụng hung khí tìm đánh nhóm người có mâu thuẫn với mình, đồng thời gây mất trật tự, an toàn tại bệnh viện, gây hoảng sợ, lo lắng cho nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó Lưu Quốc T là người khởi xướng giữ vai trò chính trong toàn bộ quá trình diễn biến của hành vi phạm tội. Sau khi hai nhóm xảy ra xô xát, nhóm của Đàm Văn G đã đi bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng chữa trị vết thương thì T là người phân công Đào Hải L đi lấy vũ khí và gọi Ngô Trung A đến giúp sức. Tại bệnh viện, Lưu Quốc T trực tiếp cầm kiếm chạy vào khu vực phòng cấp cứu của Bệnh viện và nhìn thấy có một người đang bị thương ngồi ở đó nên T đã gọi đồng phạm đến, đồng thời giơ kiếm đe dọa người đó.

Do vậy, Lưu Quốc T giữ vai trò chủ mưu trong vụ án này. Các bị cáo Nông Đức H, Hoàng Quốc H, Triệu Quang H, La Thiên P, Ngô Trung A, Bé Hoàng Đ trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò đồng phạm là người thực hành. Bị cáo Bùi Hải L là người tạo điều kiện về vật chất để các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò đồng phạm là người giúp sức. Do vai trò của các bị cáo là khác nhau nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương ứng với hành vi của mình; trong đó, Lưu Quốc T phải chịu mức hình phạt nặng nhất đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”

[2.2] Trong quá trình xảy ra xô xát giữa nhóm của Lưu Quốc T và Đàm Văn G, Nông Đức H đã có hành vi dùng tay, chân đánh Bàn Văn H vào đầu và gáy và dùng vỏ chai bia bằng thủy tinh đập 01 (một) phát vào vùng đầu của Nguyễn Quốc A gây thương tích. Hành vi của bị cáo Nông Đức H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 046/19/TgT ngày 29/5/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng đối với Bàn Văn H kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 vết thương phần mềm vùng đầu, kích thước trung bình: 04%.*
- 02 vết thương phần mềm vùng gò má trái, vùng cằm ảnh hưởng thẩm mỹ: 15 %.*
- Gãy ngang thân răng số 1, số 2 hàm dưới bên trái: 1.5%.*

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 20% (Hai mươi phần trăm)”.

Ngoài H còn có La Thiên P dùng tay nắm một phát vào vai của H nhưng với những thương tích ở vị trí trên cơ thể nói trên thì thương tích của Bàn Văn H là do cá nhân Nông Đức H gây ra, hành vi của La Thiên P không gây ra thương tích cho Bàn Văn H. Nông Đức H còn dùng hung khí nguy hiểm (vỏ chai bia bằng thủy tinh) để gây thương tích cho Nguyễn Quốc A, qua giám định tỷ lệ thương tích là 06%. Cùng thời điểm đó, bị cáo Nông Đức H gây thương tích cho Bàn Văn H với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 20%.

Bị cáo Nông Đức H là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc xâm hại sức khỏe, tính mạng của mỗi cá nhân là trái pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ đã xâm hại đến sức khỏe của người khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, hành vi cố ý gây thương tích của Nông Đức H đối với Nguyễn Quốc A và Bàn Văn H có tính chất liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian nên không thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Đức H về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Trong khi xảy ra xô sát, Lưu Quốc T bị Trần Trung T dùng hung khí nguy hiểm là vỏ chai bia bằng thủy tinh đánh vào đầu gây thương tích 3%. Tại phiên tòa, Lưu Quốc T xác nhận ngày 14 tháng 10 năm 2019 đã tự nguyện rút yêu cầu khởi tố bị can đối với Trần Trung T. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đã đình chỉ vụ án đối với bị can Trần Trung T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự theo Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can số 01 ngày 15 tháng 10 năm 2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” của Lưu Quốc T:

Qua tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Lưu Quốc T thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để

kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 09 năm 2018 đến ngày 07 tháng 5 năm 2019, Lưu Quốc T còn thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 60 (sáu mươi) cá nhân trên địa bàn thành phố Cao Bằng với tổng số 171 (một trăm bảy mươi một) lượt vay tương đương số tiền cho vay là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Hình thức cho vay dưới dạng “vay bát”, quy định mỗi bát vay trong thời hạn 40 ngày.

[3.1] Có 03 mức lãi suất cho các khoản vay lần lượt như sau:

- Mức lãi suất 0.625%/ngày (tương đương 228.125%/năm): Với mức lãi suất này T đã cho 55 (năm mươi lăm) người với tổng số 156 lượt vay, ứng với số tiền 1.910.000.000đ (*một tỷ chín trăm mười triệu*) cho các bát vay lần lượt là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) lãi là 2.500.000đ (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*), 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) lãi là 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) tiền lãi là 10.000.000đ (*bảy triệu đồng*) và 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*) tiền lãi là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Số tiền lãi T đã thu từ người vay tiền với mức lãi suất 0.625%/ngày (tương đương 228.125%/năm) là 477. 500.000đ (bốn trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ ngày) là $1.910.000.000đ \times 0.054794\% \times 40 \text{ ngày} = 41.862.616đ$ (bốn mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Theo đó Lưu Quốc T đã thu lợi bất chính số tiền là: $477.500.000đ - 41.862.616đ = 435.637.384$ (bốn trăm ba mươi năm triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi tư đồng).

- Mức lãi suất 0.5%/ngày (tương đương 182.5%/năm): Với hình thức cho vay tương tự như trên T đã cho 07 (bảy) người với tổng số 11 lượt vay, ứng với số tiền 55.000.000đ (năm mươi năm triệu đồng) cho bát vay 5.000.000đ (năm triệu đồng). Lãi suất cho vay là 1.000.000đ (một triệu đồng)/bát. Mức lãi suất cho vay này T đã thu được tổng số tiền lãi 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Trong đó, số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/ năm tương đương 0.054794%/ ngày) là $55.000.000đ \times 0.054794\% \times 40 \text{ ngày} = 1.205.468đ$ (một triệu hai trăm linh năm nghìn bốn trăm sáu mươi tám đồng). Lưu Quốc T đã thu lợi bất chính số tiền là: $11.000.000đ - 1.205.468đ = 9.794.532đ$ (chín triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm ba mươi hai đồng).

- Mức lãi suất 0.25%/ngày (tương đương 91.25%/năm): Với hình thức cho vay tương tự như trên T đã cho 03 (ba) người với tổng số 04 (bốn) lượt vay, ứng với số tiền 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng) cho các bát vay lần lượt là 5.000.000đ (năm triệu đồng) và 10.000.000đ (mười triệu đồng). Lãi suất tương ứng lần lượt là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) và 1.000.000đ (một triệu đồng).

Với mức lãi suất cho vay này, T đã thu số tiền lãi là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao

nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/ năm tương đương 0.054794%/ ngày) là $35.000.000đ \times 0.054794\% \times 40 \text{ ngày} = 767.116đ$ (bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười sáu đồng). Lưu Quốc T đã thu lợi bất chính số tiền là: $3.500.000đ - 767.116đ = 2.732.884đ$ (hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn tám trăm tám mươi bốn đồng). Mức lãi suất cho vay này chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, bị cáo không bị truy tố và cũng không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 09 năm 2018 đến ngày 07 tháng 5 năm 2019, Lưu Quốc T đã thông qua 167 giao dịch dân sự cho vay tổng số tiền **1.965.000.000đ** (một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng), với mức lãi suất thấp nhất là 182.5%/năm, lãi suất cao nhất là 228.125%/năm, thu tổng số tiền lãi **488.500.000đ** (bốn trăm tám mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là **445.431.916đ** (bốn trăm bốn mươi năm triệu bốn trăm ba mươi một nghìn chín trăm mười sáu đồng).

[3.2]. Số tiền gốc Lưu Quốc T sử dụng làm vốn để cho vay: Căn cứ lời khai của bị cáo trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa: Từ tháng 10/2018 T vay của Nguyễn Long H (hộ khẩu thường trú tại tổ N, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) và dùng để cho vay. Tuy nhiên, đối chiếu các lần vay trong sổ “bát” thu được của T thì thể hiện từ tháng 8, tháng 9 đã có việc cho vay tiền, tổng cộng 07 lượt với số tiền 80.000.000đ. Như vậy, tổng số tiền bị cáo T dùng làm vốn cho vay phải được xác định là: $80.000.000đ + 230.000.000đ = 310.000.000đ$. Theo hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử thì số tiền này là phương tiện dùng để thực hiện tội phạm nên phải bị tịch thu để sung vào công quỹ nhà nước.

Theo bảng thống kê số tiền cho vay lãi nặng của cơ quan điều tra và số tiền Viện kiểm sát truy tố bị cáo là **1.965.000.000đ** nhưng nếu xác định **1.965.000.000đ** là tiền gốc - là phương tiện phạm tội để tịch thu để sung quỹ nhà nước thì không đủ căn cứ vững chắc vì quá trình cho vay Lưu Quốc T đã sử dụng số tiền gốc (310.000.000đ) nói trên để quay vòng rất nhiều lần, cho nhiều người vay với nhiều lượt vay trong hơn 1 năm, có người trả cho bị cáo trước hạn 40 ngày, cũng có người chưa trả bị cáo nên bảng thống kê có kết quả số tiền 1.965.000.000đ là phép tính cộng dồn chứ không phải số tiền thực tế bị cáo dùng vào việc phạm tội nên hội đồng xét xử không đủ căn cứ để tịch thu tiền vốn cho vay theo kết quả này.

[4] Đối với tội “gây rối trật tự công cộng”, các bị cáo phạm tội có sử dụng hung khí nên bị truy tố theo khoản 2 điều 318 của Bộ luật hình sự thuộc trường hợp tội nghiêm trọng. Bị cáo H bị truy tố tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 BLHS; bị cáo T bị truy tố tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lưu Quốc T: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nông Đức H, La Thiên P: Có nhân thân xấu, cả hai bị cáo đã từng bị kết án (đã xóa án tích) và xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Ngô Trung A có nhân thân xấu, đã 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính trong đó có hai lần xâm phạm sức khỏe người khác, lần gần nhất là ngày 30/01/2019. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vai trò tham gia vụ án đồng phạm về tội gây rối trật tự công cộng của bị cáo thấp hơn so với các bị cáo T, H và P tuy nhiên bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Bế Hoàng Đ, Hoàng Quốc H, Bùi Hải L, Triệu Quang H: Có vai trò thứ yếu trong việc thực hiện tội phạm, nhân thân không có tiền án tiền sự, theo tiểu mục 4, mục I công văn số 01/2017/GĐ – TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ thì được coi là “ Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả 4 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Triệu Quang H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (người phạm tội đầu thú).

[6] Về hình phạt:

Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng”, hành vi phạm tội của các bị cáo diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn đã chấm dứt, chưa gây ra hậu quả về vật chất; mức hình phạt đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Lưu Quốc T, La Thiên P và Nông Đức H về tội “ Gây rối trật tự công cộng” là nặng. Việc buộc các bị cáo chấp hành án phạt tù đã đủ nghiêm khắc nên khi lượng hình cũng cần có sự xem xét, đánh giá toàn diện để có mức hình phạt phù hợp, vừa đảm bảo tính nghiêm minh vừa thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, tạo cơ hội cho các bị cáo cải tạo thành người công dân tốt cho xã hội.

Do Nông Đức H có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về hành vi “cố ý gây thương tích”, sau khi phạm tội, quá trình điều tra và tại phiên tòa bản thân và gia đình bị cáo không bồi thường được cho các bị hại nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo Nông Đức H về tội “cố ý gây thương tích”.

Đối với tội “Gây rối trật tự công cộng” bị cáo Lưu Quốc T phải chịu mức hình phạt trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với vai trò

và tính chất mức độ của hành vi phạm tội gây ra. Còn đối với tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thì cần buộc bị cáo nộp lại tiền gốc và lãi để tịch thu sung vào công quỹ nhà nước, bị cáo phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần buộc bị cáo chấp hành án phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt là đủ nghiêm khắc để giáo dục cải tạo bị cáo.

[6] Đại diện viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt với 04 bị cáo Bế Hoàng Đ, Hoàng Quốc H, Bùi Hải L, Triệu Quang H về tội “gây rối trật tự công cộng và đề nghị cho các bị cáo này được hưởng án treo: Xét thấy các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội một phần do bị rủ rê lôi kéo, mức độ tham gia thực hiện tội phạm có vai trò thứ yếu, có khả năng tự cải tạo tại địa phương nên không cần thiết phải buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà có đủ căn cứ cho các bị cáo hưởng án treo để cải tạo thành người công dân tốt cho xã hội. Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Tại phiên tòa bị hại Bàng Văn H có mặt và yêu cầu bị cáo Nông Đức H bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng cộng: **42.483.000đ**; được chấp nhận các khoản sau:

- Làm 03 răng: 12.000.000đ;
- Tiền viện phí: 1.150.000đ;
- Chụp cắt lớp: 571.000đ;
- Tiền bù đắp bệnh tự nguyện: 712.000đ;
- Điều trị sẹo: đã đi điều trị 02 lần = 1.600.000đ;
- Chi phí đi lại: Đã đi điều trị 02 lượt = 1.000.000đ;
- Tổn thất tinh thần: 02 tháng lương cơ sở x 1.490 000đ = 2.980.000đ;
- Công người phục vụ: 01 người x 8 ngày x 200.000đ = 1.600.000đ;
- Bồi dưỡng sức khỏe: 08 ngày x 200.000đ = 1.600.000đ

Tổng cộng: **23.213.000đ** (Hai mươi ba triệu hai trăm mười ba nghìn đồng).

Do anh H có một phần lỗi khi tham gia vụ xô sát nên phải tự chịu một phần thiệt hại tương ứng với lỗi của mình, được tính là 1/10 thiệt hại xảy ra (2.321.000đ). Số tiền còn lại bị cáo Nông Đức H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh H là **20.892.000đ** (hai mươi triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng)

Việc bị hại Nguyễn Quốc A không yêu cầu bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là tự nguyện nên cần ghi nhận trong bản án.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và không yêu cầu bị cáo Lưu Quốc T phải trả lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền lãi bất chính bị cáo Lưu Quốc T thu được là 445.431.916đ (Bốn trăm bốn mươi năm triệu bốn trăm ba mươi một nghìn chín

trăm mười sáu đồng). Xét thấy số tiền lãi là tiền thu lợi bất chính, khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần thiết phải tịch thu xung công quỹ nhà nước.

[6.2] Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành điều tra xác minh những người vay tiền của Lưu Quốc T, tuy nhiên phần lớn không xác định được họ tên và địa chỉ những người vay tiền. Một số người vay tiền của Lưu Quốc T đã xác định được họ tên, địa chỉ và số tiền vay như sau:

1. Bé Kim D (D đầu): Vay 05 lần, tổng số tiền vay 50.000.000đ, tiền lãi đã trả cho T là 12.500.000đ.

2. Lý Mạnh H (H nước giáp): Vay 23 lần, tổng số tiền vay 280.000.000đ, tiền lãi đã trả là 70.000.000đ.

3. Triệu Hồng Q (Q Bệnh viện): Vay 05 lần với tổng số tiền 50.000.000đ, tiền lãi đã trả 12.500.000đ.

4. Lô Thị L (Bà L): Vay 08 lần với tổng số tiền 230.000.000đ, tiền lãi đã trả là 57.500.000đ.

5. Hứa Thị T (Chị H T): Vay 01 lần với số tiền 10.000.000đ, số tiền lãi đã trả 2.500.000đ.

6. Lô Thị T (bà T, Bạn bà L (T)): Vay 03 lần với tổng số tiền vay là 40.000.000đ.

7. Lô Thu N (Thu N): Vay 01 lần số tiền 10.000.000đ, đã trả tiền lãi là 2.500.000đ.

8. La Văn Q (Q Cao Bình): Vay 02 lần với tổng số tiền 20.000.000đ, đã trả lãi 5.000.000đ.

Do tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không yêu cầu bị cáo trả lại tiền lãi bất hợp pháp, một số người chưa trả lại tiền gốc cho bị cáo. Theo quy định của pháp luật thì phải số tiền lãi bất hợp pháp được trả lại cho những người liên quan có tên trên, hoặc ghi nhận ý kiến của họ trong bản án nhưng bản chất của số tiền đó là tiền do phạm tội mà có, và thực tế bị cáo đã sử dụng chính những đồng tiền lãi hợp pháp và bất hợp pháp ấy để làm vốn cho vay quay vòng, chi tiêu cá nhân hết nên số tiền lãi thu được lại trở thành vốn vay và là phương tiện phạm tội.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Lưu Quốc T là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp trật tự quản lý kinh tế của nhà nước mà còn mang tính chất bóc lột, làm những người vay tiền thiệt hại về kinh tế. Để thực hiện chỉ thị số 12/CT-Ttg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, ngoài hình phạt tù cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu toàn bộ số tiền gốc dùng làm vốn cho vay và toàn bộ tiền lãi Lưu Quốc T đã thu được trong vụ án để sung vào công quỹ nhà nước. Có như vậy mới đủ để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt và răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6.3] Quá trình điều tra vụ án có nhiều người vay tiền với bị cáo nhưng chưa trả lại hoặc thuộc trường hợp được trả lại tiền lãi bất hợp pháp song không rõ họ tên địa chỉ nên cần tách phần trách nhiệm dân sự của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa được tham gia tố tụng trong vụ án để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Tài sản là điện thoại di động thu giữ của các bị cáo Nông Đức H, La Thiên P, Ngô Trung A có các đặc điểm đã được phản ánh trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo. Riêng đối với Ngô Trung A có dùng 01 điện thoại liên lạc với Lưu Quốc T khi được gọi đến giúp sức tại quán nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Trả lại cho Lưu Quốc T 01 (một) điện thoại di động Iphone 7plus màu đen có số Imei 359177072272605 không liên quan đến hành vi phạm tội; nhưng cần tạm giữ để phát mại đảm bảo thi hành án đối với các khoản tiền bị cáo phải nộp lại để sung công quỹ nhà nước.

- Tịch thu để phát mại sung công quỹ nhà nước đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số Seri 358305036736487. T đã dùng để liên lạc, thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự .

- 01 hộp giấy màu trắng đen có dòng chữ “GUCCI” kích thước 33cm x 20cm x 11cm bên trong có 02 quyển sổ có bìa màu xanh và màu đen có các đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đã phản ánh là vật chứng có ý nghĩa chứng minh hành vi phạm tội cho vay lãi nặng của bị cáo nên cần được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

- Các vật chứng là dao, kiếm, giá để kiếm, một số quần áo, 01 dép lê... đã qua sử dụng được thu giữ trong quá trình điều tra vụ án có các đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đã phản ánh. Đây là các hung khí nguy hiểm và tài sản đã hết giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Các tài sản bị tạm giữ khác: Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho chủ sở hữu các tài sản bị tạm giữ, các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác nhận đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại tài sản phù hợp với quy định của pháp luật nên không giải quyết lại mà chỉ ghi nhận trọng bản án.

[9] Những vấn đề khác:

[9.1] Đối với Lưu Quốc T, La Thiên P, Bê Hoàng Đ, Hoàng Quốc H, Bùi Hải L, Đinh Đức T, Lục Đức B là những người đã trực tiếp thực hiện hành vi xô xát, đánh nhau với nhóm người của Đàm Văn G tại quán Feel Music thuộc Tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Quá trình điều tra xác định được hành vi của T, P, Đ, Quốc H, L, T, B không gây thiệt hại. Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an thành phố Cao Bằng đã xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau theo quy định điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

[9.2] Đối với Lương Hải L là người đã cho Lưu Quốc T cất giấu số vũ khí T cùng đồng phạm sử dụng để gây rối trật tự tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng tại chỗ ở do mình quản lý. Tuy nhiên, khi cho T cất giấu số vũ khí trên L không biết được số vũ khí đó đã được T cùng các đồng phạm sử dụng để vi phạm pháp luật nên không cần thiết phải xử lý đối với Lương Hải L.

[9.3] Đối với Tăng Minh T và Lục Đức B là những người đã cùng đi xuống Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng cùng với nhóm của Lưu Quốc T. Tuy nhiên, T và B chỉ đứng ở ngoài sân và không trực tiếp tham gia vào việc gây rối trật tự, không giúp sức hoặc cổ vũ hành vi gây rối của các bị cáo nên không cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Viện kiểm sát không truy tố Tăng Minh T và Lục Đức B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9.4] Về hành vi của Bùi Hải L, Đinh Đức T và Lê Trung T là những người đã được Lưu Quốc T nhờ để đi thu tiền hộ. Quá trình điều tra xác định được L, T, T không được T trả tiền công, nên không cần thiết phải xử lý đối với L, T và T.

[9.5] Đối với Nguyễn Long H là người đã cho T vay tiền. Quá trình điều tra xác định được việc cho vay của H được tính lãi suất là 73%/ năm (tương đương 0.2%/ ngày), vượt 3.65 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 210 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng không xử lý đối với Nguyễn Long H là đúng pháp luật.

[9.6] Đối với khẩu súng ngắn và đạn được phát hiện và thu giữ tại chỗ ở của Ngô Trung A. Quá trình điều tra xác định được khẩu súng ngắn là vũ khí có tính năng tương tự vũ khí quân dụng nên không cấu thành tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã xử phạt vi phạm hành chính Ngô Trung A về hành vi không giao nộp vũ khí theo điểm g khoản 3 Điều 10 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình là đúng pháp luật.

Đối với Nông Thị T, Hoàng Thị D là những người đã cất giấu số tài liệu liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Lưu Quốc T. Quá trình điều tra xác định được khi nhận số tài liệu kê trên để cất giấu hộ T, T và D không biết được là tài liệu gì. D và bà L mẹ T cũng không tham gia vào hành vi cho vay lãi nặng của Lưu Quốc T nên cơ quan điều tra không xử lý đối với T, D và bà L là đúng pháp luật.

[10] Kiến nghị với cơ quan điều tra cần rút kinh nghiệm việc trả lại tài sản trong vụ án: Số tiền 40.000.000đ do bà L mẹ T cho vay và 2.100.000đ của D vợ T đưa cho T chi tiêu, có căn cứ xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng Lưu Quốc T nên cần tạm giữ để khi xét xử tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với phần của Lưu Quốc T.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nông Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào công quỹ nhà nước.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Lưu Quốc T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Bị cáo Nông Đức H phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích”.

- Các bị cáo Bé Hoàng Đ, La Thiên P, Hoàng Quốc H, Triệu Quang H, Ngô Trung A, Bùi Hải L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 2 Điều 52, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Quốc T.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, khoản 1 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Đức H.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo La Thiên P.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Trung A.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bé Hoàng Đ, La Thiên P, Hoàng Quốc H, Ngô Trung A, Bùi Hải L. Riêng bị cáo Triệu Quang H áp dụng thêm khoản 2 Điều 52 BLHS.

2. Xử phạt:

2.1. Bị cáo Lưu Quốc T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2019.

2.2. Bị cáo Nông Đức H 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08 tháng 5 năm 2019.

2.3 Bị cáo Ngô Trung A 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2019.

2.4. Bị cáo La Thiên P 24 (hai mươi tư) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2019.

2.5. Xử phạt bị cáo Bế Hoàng Đ 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bế Hoàng Đ cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bế Hoàng Đ có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.6. Xử phạt bị cáo Bùi Hải L 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Hải L cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Bùi Hải L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.7. Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc H 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Quốc H cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Hoàng Quốc H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.8. Xử phạt bị cáo Triệu Quang H 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Triệu Quang H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Triệu Quang H có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án

có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về phương tiện phạm tội và tiền thu lợi bất chính:

3.1. Buộc bị cáo Lưu Quốc T phải nộp lại để tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền **310.000.000đ** (ba trăm mười triệu đồng) là phương tiện phạm tội.

3.2. Buộc bị cáo Lưu Quốc T phải nộp lại để tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền thu lợi bất chính là **445.431.916đ** (bốn trăm bốn mươi năm triệu bốn trăm ba mươi một nghìn chín trăm mười sáu đồng).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự 2015;

4.1. Bị cáo Nông Đức H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho anh Bằng Văn H; Hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã P, huyện H, tỉnh Cao Bằng số tiền **20.892.000đ** (hai mươi triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng)

4.2. Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Nguyễn Quốc A, sinh năm 1985; trú tại: Tổ T, Phường H, thành phố C, không yêu cầu bị cáo Nông Đức H phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm.

4.3. Tách phần trách nhiệm dân sự của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền với bị cáo chưa được tham gia tố tụng trong vụ án do tại thời điểm điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ để giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về tài sản tạm giữ:

Xác nhận:

5.1. Số tiền 2.100.000đ (hai triệu một trăm nghìn đồng) tạm giữ của Lưu Quốc T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màu hồng số Imei 353335079475649 tạm giữ của Hoàng Thị D đã trả cho Hoàng Thị D theo biên bản ngày 01/10/2019.

5.2. Số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tạm giữ của Hoàng Thị D đã trả cho bà Nguyễn Thị L theo biên bản ngày 01/10/2019.

5.3. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 2730 màu đen bạc, số Imei 359370035516586 và tiền 2.160.000đ (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm giữ của Hoàng Quốc H đã trả lại cho Hoàng Quốc H theo biên bản ngày 01/10/2019.

5.4. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám đen số Imei 353309073999987 tạm giữ của Bùi Hải L đã trả lại cho Bùi Hải L theo biên bản ngày 01/10/2019.

5.5. 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 11X1-325.0B đã trả lại cho bà Hà Tú Q theo biên bản ngày 01/10/2019.

6. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

6.1. Trả lại bị cáo Nông Đức H: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen số Imei: 356676/05/842861/3;

6.2. Trả lại bị cáo La Thiên P: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu xám có ốp lưng viền đen, số Imei: 352004065610848;

6.3. Trả lại bị cáo Ngô Trung A: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu trắng có số Imei1: 352205080467797/01, Imei 2: 352206080467795/01;

6.4. Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số Seri 358305036736487 cho bị cáo Lưu Quốc T nhưng cần tạm giữ để phát mại, đảm bảo thi hành án đối với các khoản tiền bị cáo phải nộp để sung vào công quỹ nhà nước.

6.5. Tịch thu để phát mại sung vào công quỹ nhà nước phương tiện liên lạc dùng vào việc phạm tội là 01 (một) điện thoại di động Iphone 7plus màu đen có số Imei 359177072272605 của Lưu Quốc T. 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia RM-1110 màu trắng có số Imei1: 358583065290663, Imei 2: 358583065290671 của Ngô Trung A.

6.6. Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) kiếm hình dạng kiếm Nhật dài 01m có vỏ màu đen bằng gỗ, phần lưỡi kiếm dài 70cm, đầu nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi kiếm dài 30cm bọc dây vải màu đen.

- 01 (một) kiếm hình dạng kiếm Nhật dài 50cm có vỏ màu đen bằng gỗ, phần lưỡi kiếm dài 35cm, lưỡi rộng 03cm bằng kim loại màu trắng, chuôi kiếm dài 15cm bọc dây vải màu đen.

- 01 (một) kiếm hình dạng kiếm Nhật dài 65cm có vỏ sơn màu đen được trang trí họa tiết hình rồng, lưỡi dài 35cm rộng 2cm, đầu nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi kiếm dài 30cm bằng nhựa họa tiết rồng.

- 01 (một) kiếm dài 63cm có vỏ gỗ sơn màu vàng, phần lưỡi dài 35cm, rộng nhất 4cm, đầu nhọn bằng kim loại màu trắng, chuôi kiếm bằng gỗ sơn màu vàng dài 20cm.

- 01 (một) thanh kiếm có kích thước 72cm x 2,5cm phần cán dài 17cm, phần lưỡi dài 55cm đã bị han rỉ.

- 01 (một) dao tra cán dài 1,55m dao dài 35cm, rộng 7cm, đầu vuông làm bằng kim loại sơn màu đen được nối với 01 (một) ống kim loại sơn màu đen dài 1,2m có đường kính 02cm.

- 01 (một) dao bằng kim loại bị rỉ sét có kích thước dài 49cm, rộng 5cm, lưỡi dao dài 40cm, phần tay cầm dài 9cm.

- 02 (một) giá để kiếm sơn màu đen.

- 01 (một) áo ni rằn ri màu đen, xám có chữ GIVCNEHY Paris, bên trong màu vàng có mũ vải gắn liền;

- 01 (một) quần ngắn bò màu xanh có nhãn hiệu DSQBREAD.

- 01 (một) áo phong ngắn tay màu sáng có in nhiều họa tiết, nhãn hiệu Xing Qiang Sheng.

- 01 (một) dép lê có quai màu xanh, đế bằng nhựa màu đen có chữ Made in Thailand.

Xác nhận toàn bộ vật chứng kể trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21 tháng 10 năm 2019.

6.7 Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 hộp giấy màu trắng đen có dòng chữ “GUCCI” kích thước 33cm x 20cm x 11cm bên trong có 01 quyển sổ có bìa màu xanh và 01 (một) quyển sổ có bìa màu đen (có các đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản trong hồ sơ vụ án đã phản ánh).

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Lưu Quốc T, Nông Đức H, La Thiên P, Bế Hoàng Đ, Triệu Quang H, Hoàng Quốc H, Ngô Trung A, Bùi Hải L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nông Đức H phải chịu 1.044.600 đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào công quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền ra chủ động Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được yêu cầu thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại Bằng Văn H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại Nguyễn Quốc A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp